

Số: 134/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 17 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn của Hệ thống cấp nước khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân công, phân cấp quản lý hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 45/TTr-SNN&PTNT ngày 08 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn của Hệ thống cấp nước khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước bao gồm:

a) Nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước;

- Nguồn nước: khai thác nước dưới đất, độ sâu 302m.

- Phạm vi cấp nước: việc cấp nước được thực hiện trong phạm vi khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Vị trí tọa độ giếng khai thác: X = 1111090; Y = 578336 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', Múi chiếu 3°)

- Địa danh điểm lấy nước: khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Nước thô sẽ được xử lý theo quy trình làm thoáng - lắng - lọc - khử trùng và dự trữ trong bể chứa nước sạch 10m³.

- Vận chuyển phân phối: nước từ nhà máy được bơm cấp II bơm ra mạng lưới đường ống, vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

b) Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống cấp nước:

Giếng khoan → Thiết bị làm thoáng → Bể lắng tiếp xúc → Bể lọc cát → Khử trùng - Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp 2 → Mạng đường ống.

Nước được bơm cấp I bơm lên từ giếng đưa vào ống thu khí. Ống thu khí có nhiệm vụ hòa trộn nước với không khí làm cho sắt có trong nước kết tủa lại thành những hạt li ti, tại đây nước được chảy qua ngăn lọc cát.

Ngăn lọc bao gồm các lớp vật liệu: lớp cát bên trên có chiều dày 0,35m, lớp lưới cước nylon mịn được xếp thành 2 lớp, lớp đá 1x2 có chiều dày khoảng 0,15m và hệ thống ống thu nước sạch. Nhiệm vụ chính của ngăn lọc cát là giữ lại cặn sắt, các chất rắn lơ lửng có trong nước và thu nước sạch dẫn vào ngăn chứa nước sạch. Khi nước tràn qua ngăn lọc cát, trong nước có chứa những hạt cặn sắt lơ lửng, những hạt cặn này được thu giữ lại trên bề mặt lớp cát lọc. Chỉ có nước sạch được dẫn qua ngăn chứa nước sạch nhờ vào hệ thống ống thu nước đặt ở dưới lớp đá. Hệ thống ống thu nước được làm bằng ống nhựa có đường kính từ Φ60-90mm, trên đó được cưa nhiều rãnh để thu nước. Bên dưới ngăn lọc này có thiết kế một ống xả đáy, một ống xả ngang mặt cát và một ống xả rửa ngược, dùng để xả rửa cặn bám trên bề mặt lớp cát. Trong ngăn lọc này có lắp đặt một rơ-le phao tự động để điều khiển bơm cấp I, khi mực nước trong ngăn lọc cát thấp hơn so với khoảng cách treo phao thì phao trĩ xuống kích rơ-le đóng lại bơm cấp I hoạt động, khi nước trong ngăn lọc cát đầy phao nổi lên rơ-le mở ra bơm cấp I ngưng hoạt động. Nhiệm vụ chính của ngăn chứa nước sạch là dùng để chứa nước sạch đảm bảo điều kiện cho bơm cấp II hoạt động. Nước sạch được máy bơm châm hóa chất khử khuẩn và bơm cấp II cung cấp đến hộ dân sử dụng theo hệ thống điều khiển biến tần. Bên trong ngăn chứa nước sạch có lắp đặt một rơ-le phao tự động, khi nước trong ngăn chứa nước sạch đầy phao nổi lên rơ-le đóng lại đảm bảo điều kiện cho bơm cấp II hoạt động.

c) Các thông tin cơ bản về khách hàng sử dụng nước:

Hệ thống cấp nước khu vực khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ hiện đang phục vụ cấp nước sạch cho trên 150 hộ khách hàng thuộc khu vực Bình Dương A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2. Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước bao gồm:

a) Các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước:

Gồm các nguy cơ rủi ro sau:

- Người dân chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Thông tầng chứa nước, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước
- Sự cố kỹ thuật trong lúc khoan giếng, khai thác giếng (hệ thống ống lắng, ống lọc, ống chống bị rò rỉ đất cát bên ngoài tràn vào trong quá trình bơm nước lên sử dụng, ống nhựa của giếng khai thác bị "bẹp", "lên cát" trong quá trình khai thác).
- Mực nước tĩnh hạ thấp
- Bơm cấp 1 bị hư không bơm được nước từ giếng khoan vào hồ nước xử lý.
- Chất lượng nước bị ảnh hưởng do tác động của môi trường ngoài (lá cây, chất gây ô nhiễm khác rơi vào bể chứa nước thô)
- Cát xung quanh thành ống có thể xâm nhập vào.

b) Các nguy cơ, rủi ro về mặt hoá học, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước;

Gồm các nguy cơ rủi ro sau:

- Thiết bị châm hoá chất khử khuẩn không hoạt động, lượng hóa chất không đảm bảo, khuấy trộn không đều hóa chất, sự cố động cơ khuấy trộn, máy bơm châm định lượng không hoạt động, lượng Clo thêm vào để khử trùng bị sai lệch nhiều so với tiêu chuẩn kỹ thuật
- Các chỉ tiêu lý hóa vượt tiêu chuẩn cho phép (độ cứng, Clorua, asen... có trong nước dưới đất)
- Coliform, Ecoli gây bệnh truyền nhiễm. Các vi sinh vật khác gây bệnh.
- Vật liệu xử lý nước (cát lọc, đá sỏi, xốp, than hoạt tính) không đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

c) Các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước:

Gồm các nguy cơ rủi ro sau:

- Sự cố nguồn điện.
- Nứt, vỡ bể chứa nước.
- Hư hỏng máy bơm cấp I, cấp II.
- Vỡ, bể đường ống, đường ống bị ăn mòn, biến dạng.
- Nước thấm vào đường ống nước.
- Các val tổng khóa/mở nước bị hư hoặc rò rỉ.
- Mạng lưới đường ống dẫn nước bị nghẹt (do cặn, lắng đọng lâu ngày trên đường ống).

d) Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa.

Các nguy cơ, rủi ro được xếp theo thứ tự ưu tiên sau:

- Nguồn nước khai thác từ giếng khoan bị sự cố.

- Mạng lưới đường ống bê, vữa.
- Nguồn điện.
- Công nghệ xử lý.
- Quá trình quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng.
- Gian lận cấp nước của khách hàng, đấu nối trái phép, sử dụng máy bơm hút trực tiếp trên mạng đường ống phân phối. Đồng hồ sử dụng nước hư hỏng, độ chính xác giảm.
- Hiện tượng ăn mòn vật liệu, quá trình trữ nước, sử dụng nước tại hộ gia đình không an toàn.

3. Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng bao gồm:

- Rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục đang áp dụng;
- Đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung;
- Lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro.

4. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro.

- Lãnh đạo phòng Kỹ thuật cơ điện, nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý hệ thống cấp nước tập trung có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình vận hành, quy trình kiểm tra các thao tác của nhân viên quản lý hệ thống cấp nước trong quá trình sản xuất xử lý nước.

- Phối hợp Trung tâm y tế dự phòng thành phố, hoặc các đơn vị chuyên ngành định kỳ, đột xuất lấy mẫu thử nghiệm các chỉ tiêu nước sạch theo các quy định hiện hành.

5. Lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp bao gồm:

- Phát hiện và thông báo sự cố;
- Bảo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng;
- Xác định nguyên nhân sự cố;
- Xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố;
- Thực hiện các hành động ứng phó;
- Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết;
- Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài;
- Giải trình, báo cáo;
- Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục;

- Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai.

- Tóm lại, trong quá trình vận hành nếu phát hiện các môi nguy hiểm hoặc sự cố thì nhân viên trực tiếp vận hành phải báo ngay với Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện báo ngay cho Giám đốc, phó Giám đốc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

6. Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn bao gồm:

a) Chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác: định kỳ kiểm tra chất lượng nước, đảm bảo các chỉ tiêu không vượt quá giới hạn theo QCVN 01:2009/BYT được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia chất lượng nước ăn uống.

b) Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định: thực hiện theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

c) Các yêu cầu về quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý ISO: 9000: từng bước thực hiện theo lộ trình.

7. Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn:

a) Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn;

b) Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu;

c) Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ;

d) Lập kế hoạch định kỳ rà soát các văn bản, tài liệu và chỉnh sửa khi cần thiết;

đ) Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước;

e) Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng.

8. Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai bao gồm:

a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố:

- Trong giếng khoan khai thác hiện lắp ống quan trắc và đồng hồ xác định lưu lượng khai thác cho giếng khoan. Trong thời gian tới các chỉ tiêu quan trắc vẫn được tiến hành như trước đây, bao gồm chỉ tiêu quan trắc là lưu lượng, mực nước, chất lượng, chế độ quan trắc:

- Quan trắc mực nước 10 ngày một lần trong tất cả các tháng trong năm

- Quan trắc lưu lượng phải xác định được lượng nước khai thác thực tế của giếng trong thời điểm đo mực nước.

- Lấy mẫu phân tích chất lượng nước cần thực hiện 2 lần, lấy 01 mẫu vào cuối mùa khô và 01 mẫu vào cuối mùa mưa.

- Cử người theo dõi giám sát trong quá trình khai thác. Các số liệu cần được ghi vào sổ quan trắc của giếng.

- Vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác: căn cứ Điều 6 thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt thì phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước dưới đất có quy mô trên $10\text{m}^3/\text{ngày}$ đến dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày}$ thì phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt không nhỏ hơn 20m tính từ miệng giếng.

- Cải tạo, sửa chữa các tuyến ống nước đã hư hỏng, xuống cấp nhằm chống thất thoát theo hàng năm.

- Trang bị máy dò tìm ống bề rờ rĩ.

- Bổ sung các van xả cặn, xả khí, van khóa.

- Bảo dưỡng máy móc, hệ thống công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tuổi thọ công trình.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý, sản xuất.

- Cấm biển báo bảo vệ nguồn nước cấp cho nhà máy.

- Phối hợp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan bảo vệ công trình cấp nước và tuyến ống cấp nước.

b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn:

- Chương trình kiểm tra chất lượng nước thô: thực hiện theo quy định tại QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chương trình kiểm tra nước sạch: thực hiện theo quy định tại QCVN 01:2009/BYT được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia chất lượng nước ăn uống.

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn:

- Tổ chức cho viên chức, người lao động tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề về cấp nước an toàn.

- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý vận hành xử lý nước, kiểm soát chất lượng nước.

- Tăng cường công tác nội kiểm hệ thống cấp nước.

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn.

Phối hợp các cấp chính quyền địa phương, ban ngành đoàn thể, các tổ chức liên quan, báo, đài tổ chức các đợt truyền thông nhằm tuyên truyền giáo dục, nhận thức về bảo vệ môi trường nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, an toàn.

9. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo.

- Các nhân viên quản lý, phòng nghiệp vụ chuyên môn có trách nhiệm ghi nhận và kiến nghị, đề xuất liên quan đến Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn để xử lý.

- Định kỳ, Lãnh đạo Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tổ chức họp đánh giá sơ kết, tổng kết kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch cấp nước an toàn tại hệ thống cấp nước khu vực Bình Dương A, phường Long Xuyên, quận Bình Thủy.

- Tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả về tình hình cấp nước an toàn tại đơn vị, để báo cáo Ban chỉ đạo cấp nước an toàn thành phố.

10. Kinh phí thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

a) Khái toán kinh phí:

Stt	Nội dung thực hiện	Kinh phí thực hiện (đồng)
1	Trang bị máy phát điện dự phòng	500.000.000
2	Trang bị, mua sắm, sửa chữa máy bơm cấp I, II bị hư, cháy	50.000.000
3	Bổ sung vật liệu lọc xử lý nước	20.000.000
4	Sửa chữa định kỳ sự cố mạng đường ống	10.000.000
5	Tập huấn, truyền thông, các biện pháp quản lý vận hành, nâng cao năng lực	10.000.000
6	Dự phòng chi khác	10.000.000
	Tổng cộng	600.000.000

(Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng)

Giá trị này là tạm tính, giá trị thực được tính toán theo khối lượng thực tế, và theo quy định hiện hành.

b) Nguồn vốn thực hiện:

Kinh phí thực hiện cấp nước an toàn từ nguồn chi phí tự chủ của đơn vị và các nguồn vốn huy động khác thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức phối hợp thực hiện:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- CT UBND TP (1A);
- VP UBND TP (3D);
- Lưu: VT.qh

424+45

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Anh Dũng